

# LỊCH ĐẠI TAM BẢO KÝ

## QUYỂN 8

### KINH DỊCH ĐỜI PHÙ TẤN - ĐIỀU TẤN

Về hai đời Tiên Hậu Tấn thì sách Phù Diêu Thế Lục chép rằng: đây là thời Quân Chủ Bá Quyền, vua làm người đứng đầu việc hoǎng pháp. Từ lúc Nhà Tấn sang Giang Tả, đến khi Hung Nô đốt Lạc dương. Các vùng Y, Triền, Kinh, Vị không thể phục hồi được Đế Kinh. Ngài Phu Tử (Khổng Tử) nói rằng: Cả bốn rợ cùng xâm lược nước Trung Quốc yếu ớt, chính là đây vậy!

Phù Kiên vốn họ Võ là người xứ Đô. Nhân vì hai nhà Triệu loạn tranh chiếm nhau, nên con cháu của Quan Tây thừa cơ kế vị xưng Đế, gọi là nhà Tấn, đóng đô ở Trường an. Đến Hàn Vĩnh Cố là chúa thứ ba thì lúc sinh ra một cỏi ánh sáng lạ (thần quang) từ trên trời chiếu xuống đất, thấy có bài minh ở mặt sau có đề chữ Thảo Phó Thần, bèn đổi thành họ Phù. Sau khi Vĩnh Cố trị vì được mười sáu năm, lúc đó có quan Thái Sử tâu rằng có sao đức hiện ra từ cánh đồng hoang ở nước ngoài, tất sẽ có bậc Thánh nhân đến giúp nước ta, nếu được việc ấy tất sẽ lên làm vua. Nhân đó Vĩnh Cố bèn cho tìm ngài Cư-ma-la-thập Bà ở nước Quy Tư và ngài Di Thiên Thích Đạo An ở Tương dương. Lúc đó ngài Đạo An ở Tấn, nên liền đánh Nam dương để bắt Đạo An về, đi đâu đều dẫn ngài theo để hỏi han việc chánh trị và giảng giải kinh Phật Lại đánh phía Tây để bắt ngài La-thập. Nhưng khi La-thập chưa đến thì Vĩnh Cố đã từ trần. Tính ra có đến sáu đời chúa trải qua bốn mươi bốn năm, về sau sáp nhập ngày Hậu Tấn.

Điều Trần, người Khương Nhung ở phía tây, nhân khi lên kế vị vẫn đóng đô ở Trường An, sau đổi tên là Thường An. Đến đời con của Trần là Hưng, mùa Xuân năm Hoǎng Thủy thứ ba, ở sân vua có sinh cây liên cành, thì cây cảnh trong vườn Tiêu dao các rau hành đều biến thành rau Kiệu, đều khen là tốt đẹp tất ứng với điềm lành sẽ có bậc Tài Trí ngày giúp nước. Mùa Đông ngài La-thập đến Ung châu. Điều Hưng

dùng nhiều nghi lễ đãi ngộ phong làm Quốc sư. Lại càng quý kính, mở mang kinh luận. Việc tuyên dịch thành hành nhất ở Chấn Đán (Trung Quốc) là ở triều đại này vậy. Khắp bốn phương các Sa-môn đều tập họp như mây ùn.

Trước đây, Trường an từ thời Tiền Hán đã bị phế bỏ cho đến đời Hưng Phù Tần, suốt khoảng thời gian ba trăm ba mươi một năm, triều đình, phố xá, nhà dân đều hoang vắng. Lúc đó tuy số Già-lam quy tín còn khá ít, cả hơn ba ngàn vị Đức Tăng phải ở cùng một nơi, cùng nhận lấy sự cúng dường của thiên chủ Diêu Tần. Nơi ấy người đời gọi là Đại Tự (chùa lớn), chứ thật không phải bổn danh. Trong đó dựng lên một ngôi nhà lợp tạm bằng cỏ tranh rồi lại dùng vườn Tiêu dao để làm hai nơi mà dịch thuật Pháp bảo trùm khắp xa xôi, điềm lành đã ứng nghiệm ngày việc này. Nhân đó lập thêm Tăng quan, ban bổng lộc xếp thứ trật. Đặt ra Lương Đô Lục, biên tập thành năm Bộ Tăng. Sự sáng rõ của Hưng mới bắt đầu nổi lên từ đây. Cuối nhà Ngụy đầu nhà Chu, đường xá dần dần được chỉnh trang đôi chút. Nhân đó mà Đại tự bấy giờ chia thành bốn Già-lam (chùa): Một chùa gọi là Thảo đường. Ở phía Đông chùa Thảo đường là chùa Thường trụ. Ở phía Nam là chùa Kinh triệu vương. Về sau chùa Kinh triệu đổi tên là chùa An định quốc Phía Tây của An định quốc là chùa Đại thừa. Phía Đông của đường bên trái chùa An định thì tám góc đều có giếng lớn, tức là nhà bếp phía Đông Đại tự cũ, là nguồn nước ngọt của cả ba ngàn vị Tăng.

Con cháu nối nhau ba đời vua ba mươi hai năm, rồi bị nhà Tấn diệt, sáp nhập đất ấy ngày Ngụy. Tính ra hai đời Tần gồm bảy mươi sáu năm, vì Hậu Tần trị vì mười hai năm. Ngày đời Tây Tần là Càn Quy mới diệt Phù Sùng. Theo Giáp Tý suy ra sự liên quan cũ, thì Phù Kiên bắt đầu lên ngôi ngày năm Hoàng Thủy thứ nhất, đó là năm Giáp Dần thuộc năm Vĩnh Hòa thứ mười của đời Tấn Mục Đế, cho đến năm Vĩnh Hòa thứ hai của Diêu Hoàng, tức là năm Đinh Tỵ niên hiệu Nghĩa Hi thứ ba mươi của Tấn An Đế thì nước mất. Lịch chép thật sự là sáu mươi bốn năm, Kế Nhung (Hồ) người Hoa, hàng tại gia xuất gia cùng dịch kinh thì có đến mười sáu người, đã dịch ra các kinh, luận, truyện, gồm một trăm sáu mươi bốn bộ với chín trăm mười bốn quyển. Kể chung thuộc cả hai đời Phù và Diêu Tần. Thế Lục chép rõ như thế.

#### **A. Các dịch giả:**

##### **\* Về đời Phù Tần gồm có:**

- Sa-môn Đàm-ma-trì dịch hai bộ, hai quyển Giới Bổn Đàn Văn.

- Sa-môn Thích huệ Thường dịch một bộ, một quyển Giới Bản.
- Sa-môn đàm-ma-tỳ dịch một bộ, năm quyển Kinh.
- Sa-môn Cưu-ma-la Phật-đề dịch một bộ, hai quyển Kinh.
- Sa-môn Đàm-ma-nan-đề dịch năm bộ, một trăm mười bốn quyển kinh, tập, luận.
- Sa-môn Tăng Già Bạt Trường dịch ba bộ, hai mươi bảy quyển kinh.
- Sa-môn Tăng-già-đề-bà dịch ba bộ, sáu mươi quyển A-tỳ-đàm.
- Sa-môn Thích Đạo An dịch hai mươi bốn bộ, hai mươi tám quyển chú giải, chí, lục.
- \* Về đời Diêu Tân gồm có:**
  - Sa-môn Trúc Phật Niệm dịch mười ba bộ, tám mươi sáu quyển kinh, luận.
  - Sa-môn Đàm-ma-da-xá dịch hai bộ, hai mươi một quyển A-tỳ-đàm.
  - Sa-môn Phất-nhã-đa-la dịch một bộ, năm mươi tám quyển luật.
  - Sa-môn Cưu-ma-la-thập dịch chín mươi tám bộ, bốn trăm hai mươi lăm quyển kinh, luận, truyện.
  - Sa-môn Phật-đà-da-xá dịch bốn bộ, sáu mươi chín quyển kinh, luận, giới.
  - Sa-môn Thích Tăng Triệu dịch bốn bộ, bốn quyển luận.
  - Sa-môn Thích Tăng Duệ dịch một bộ, một quyển mục lục.
  - Sa-môn Thích Đạo Hằng dịch một bộ, một quyển luận.

## **B. Các bản dịch:**

### **\* Về đời Phù Tân gồm có:**

- Thập Tụng Tỳ-kheo Giới Bản, một quyển.
- Giáo Thọ Tỳ-kheo Nhị Tuế Đàn Văn, một quyển (Ngài Tăng Thuần, châu nước Quy Tư được ngài Phật Niệm đem Kinh đến chấp Văn dịch lời, ngài huệ Tường bút thọ, thấy ở Bảo Xương Lục).
- Cả hai bộ, hai quyển trên, ngày đời Tấn Giản Văn Đế, do Tam tạng Luật sư Đàm-ma-trì (Tân dịch là Pháp huệ) người Tây Vực cùng ngài Trúc Phật Niệm ở Trường an dịch, Huệ Tường bút thọ.
  - Tỳ-kheo-ni Đại Giới Bản, một quyển.
  - Một bộ một quyển trên, ngày đời Tấn, Giản Văn Đế, do Luật sư Thích huệ Thường, cùng ngài Đàm-ma-trì, Trúc Phật Niệm... ở Trường an dịch ra. Nhưng Lục không chép. Bộ được dịch ra thường được gọi là Thập Tụng Giới Bản.

- Ma-ha Bát-la Bát-nhã Ba-la-mật Kinh năm quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười tám hoặc bảy quyển, thấy ở Tăng Duệ Nhị Tần Lục).

- Một bộ năm quyển kinh trên, ngày đời Tấn, Hiếu Võ Đế, do ngài Tam tạng Sa-môn Đàm-ma-tỳ (Tần dịch là Pháp Ái) người Thiên Trúc, cầm Đại phẩm bằng Phạm văn, ngài Trúc Phật Niệm dịch ra Văn Tần (Hán Văn). Cũng gọi là Trường An Phẩm tức lấy chỗ dịch làm tên, là bản sao chép từ kinh ngoại quốc.

- Tử A-hàm Mộ Sao Kinh, hai quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười bốn).

Một bộ hai quyển kinh này ngày đời Tấn, Hiếu Võ Đế, do Tam tạng Sa-môn Cưu-ma-la Phật-đề (Tần dịch là Đồng Giáo), người Tây Vực, ở Nghiệp tự dịch. Ngài Phật-đề cầm bản tiếng Phạm ngài Trúc Phật Niệm và ngài Phật Hộ dịch ra tiếng Tần (Hán). Các ngài Tăng Đạo, Đàm Cứu, Tăng Duệ... bút thọ.

- Trung A-hàm Kinh, năm mươi chín quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ hai mươi mốt, bản dịch lần thứ nhất, ngài Trúc Phật Niệm bút thọ. Thấy trong Trúc Đạo Tổ Tấn Thế Tập Lục).

- Tăng Nhất A-hàm Kinh, năm mươi quyển (dịch ngày một tháng tư năm Kiến Ngươn thứ hai mươi, dịch theo yêu cầu của Tần Võ Oai Thái Thú tên Triệu Văn Nghiệp, dịch lần thứ nhất. Các Sa-môn Huệ Tung, Trúc Phật Niệm làm bút thọ. Thấy trong Tăng Duệ Nhị Tần Lục, Tăng Hựu và Bảo Xướng Lục đều ghi).

- A-dục Vương Thái Tử Hoại Mục Nhân Duyên Kinh, một quyển (Cũng gọi là Vương Tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên Kinh. Ngày tám tháng hai ngày năm Kiến Sở thứ hai, ở thành An định vì Thượng thư lệnh Diêu Mân dịch. Thấy trong Nhị Tần Lục, một bản không có chữ Kinh, đây nên xếp ngày đời Hậu Tần vì ít phải theo nhiều).

- Tăng-già-la-sát Tập, hai quyển (Sau khi Phật diệt độ được bảy trăm năm thì Tăng-già-la-sát được tạo ra, thấy trong Bảo Xướng Lục).

- Tam Pháp Độ, hai mươi chín quyển (cùng bản dịch của ngài Tăng-già-đề-bà ở đời Tấn có khác chút ít).

Cả năm bộ với một trăm mười bốn quyển trên, ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế, do Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-nan-đề (Tần dịch là Pháp Hỷ) người nước Đâu-khư-lặc, dịch năm Kiến Ngươn thứ nhất, ngài đến Trường an, đọc thuộc bốn quyển A-hàm bằng tiếng Phạm, ngài Trúc Phật Niệm ghi lại bằng chữ Phạm. Đến hai mươi năm sau theo yêu cầu của vua Phù Tần dịch thành năm mươi chín quyển. Lúc ấy ngày lúc Mộ

Dung Xung và Diêu Tràn phản loạn, bên trong quan ải những ai chưa qua được đều bị khốn khổ.

Còn ngài A-nan-đề đi về phía Tây, chẳng biết đi đâu. Việc hoàng pháp gặp rất nhiều khó khăn, gặp duyên thì ngài cố gắng hết sức mình, thật đáng quý đáng thương.

\*\*\*\*\*

- A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa mười bốn quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười chín - hoặc hai mươi quyển).

- Bà-tu-mật Kinh, mười quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ hai mươi, hoặc gọi là Tập Luận).

- Tăng-già-la-sát Tập Kinh, ba quyển (dịch ngày ba mươi tháng mười một Kiến Ngươn thứ hai mươi).

Cả ba bộ kinh hai mươi bảy quyển trên, ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế do Tam tạng Pháp sư Tăng Già Bạt Trừng (Tân dịch là Chúng Hiện), người nước Kế Tân. Ngài đọc thuộc lòng bản tiếng phạm Ngài Đàm-ma-nan-đề trước hết chép thành văn chữ Phạm, ngài Phật-đồ La-sát truyền dịch. Các Sa-môn Huệ Tung, Sa-môn Trí Mẫn cùng với Bí Thư Lang, Triệu Văn Nghiệp bút thọ (chép ra) thành tiếng Tân (Hán).

\*\*\*\*\*

- A-tỳ-đàm Bát Kiên Độ, ba mươi quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười chín. Cũng gọi là Ca-chiên-diên A-tỳ-đàm. Ngài Trúc Phật Niệm chuyển ngữ. Sa-môn Huệ Lực, Tăng Mậu... bút thọ. Khi Phật đã diệt độ hơn ba trăm năm thì A-la-hán Ca-chiên-diên viết bộ này, hoặc hai mươi quyển).

- A-tỳ-đàm Tâm, mười sáu quyển (ở Lạc dương dịch năm Kiến Ngươn. Thấy trong Tăng Duệ Nhị Tần Lục).

- Tỳ-bà-sa A-tỳ-đàm, mười bốn quyển (cũng gọi là Quảng Thuyết cũng dịch châu Lạc dương dịch ra. Thấy trong Nhị Tần Lục).

Cả ba bộ gồm sáu mươi quyển trên, do ngài Tam tạng Pháp sư Tăng-già-đề-bà, hoặc gọi là Đề-hòa, đây là tiếng Phạm đọc theo giọng Sở Hạ (Tân dịch là Chúng Thiên), người nước Kế Tân dịch. Ngày đời Tấn Giản Văn Đế, họ Phù giữa năm Kiến Ngươn, ngài ngày ở Trường an để hoàng truyền chánh pháp. Trước hết ngài Tăng-già Bạt Trừng dịch bộ bà Tu-mật và cùng ngài Đàm-ma-nan-đề dịch Trung và Tăng Nhất A-hàm cùng Tam Pháp Độ. Lúc ấy nhằm lúc người Nhung, việc dịch thuật khó khăn chưa rõ ràng đầy đủ, ngài Đạo An viên tịch nên chưa kịp sửa đổi đính. Sau đó, ở Sơn đông có ngài Thanh Thiếp Đề Bà là bạn đồng học của ngài Đạo An, ngài Thích Pháp Hòa cùng đến Lạc

dương. Trong khoảng bốn, năm năm nghiên cứu giảng giải các kinh trước. Khi ở Trung Quốc khá lâu dần dần thông suốt được tiếng Tần (Hán văn) mới biết các bản dịch trước đây phần lớn đều sai sót. Ngài Pháp Hòa than tiếc rằng Phật pháp rất khó gặp, nay việc dịch chưa hoàn hảo, bèn thuyết phục ngài Đề-bà cùng dịch lại các kinh trước. Như thế trong khoảng thời gian ngắn ngày đời Hậu Tần của Diêu Hưng thì pháp sự đã rất thanh hành. Ngài Pháp Hòa trở về Tây Vực, ngài Đề-bà đến phương Nam, nên bản dịch trên lời văn trước sau có một ít chỗ không giống nhau.

\*\*\*\*

- Bát-nhã Chiết Nghi Lược, hai quyển.
- Đại Thập Nhị Môn Chú Giải, hai quyển.
- Âm Trì Nhập Chú Giải, hai quyển.
- Đáp Pháp Thái Nan, hai quyển.
- Quang Tán Chiết Trung Giải, một quyển.
- Quang Tán Sao Giải, một quyển.
- Bát-nhã Chiết Nghi chuẩn, một quyển.
- Khởi Tận Giải, một quyển.
- Đạo Hạnh Tập Dị Chú, một quyển.
- Tiểu Thập Nhị Môn Chú Giải, một quyển.
- Liễu Bản Sinh Tử Chú Giải, một quyển.
- Mật Tích Trì Tâm Nhị Kinh Chân Giải, một quyển.
- Hiền Kiếp Chư Độ Vô Cực Giải, một quyển.
- Nhân Bản Dục Sinh Chú Toát Giải, một quyển.
- An Ban Thủ Ý Giải, một quyển.
- Đại Đạo Địa Chú Giải, một quyển.
- Chúng Kinh Thập Pháp Liên Tạp Giải, một quyển.
- Nghĩa Chỉ Chú Giải, một quyển.
- Cửu Thập Bát Kiết Liên Ước Thông Giải, một quyển.
- Tam Thập Nhị Tướng Giải, một quyển.
- Tam Giới Hỗn Nhiên Hào Tạp Vi Lục, một quyển.
- Đáp Pháp Tướng Nạn, một quyển.
- Tây Vực Chí, một quyển.
- Tổng Lý Chúng Kinh Mục Lục, một quyển.

Cả hai mươi bốn bộ gồm hai mươi tám quyển trên do Sa-môn Thích Đạo An soạn Ngài Đạo An vốn ở Thường sơn, người Phù liểu, tục tánh là họ Vệ, gia thế thuộc hàng nho học bậc nhất. Vì sớm mất cha mẹ nên được người anh bên ngoại họ Khổng nuôi dưỡng. Năm lên bảy, khi

đọc sách chỉ cần đọc lại lần hai là thuộc lòng, xóm làng đều khen cho là lạ. Đến năm mười hai tuổi xuất gia thần tánh rất thông minh nhưng hình thù xấu xí, nên không được thầy xem trọng. Dù khi làm việc cực nhọc vẫn không hề oán hận, dốc lòng siêng năng trai giới đúng mức. Mấy năm về sau mới xin thầy cho mượn kinh đọc. Thầy bèn đưa cho quyển Biện Ý Kinh khoảng năm ngàn chữ. Đạo An đem kinh ra ruộng, chờ khi nghỉ việc đồng án thì lấy ra xem. Đến chiều mang kinh về trả lại thầy, lại xin được đọc quyển khác. Thầy bảo: Hôm qua kinh chưa đọc nay lại mượn nữa? An thưa: Con đã đọc ngày hết kinh rồi Thầy cho là lạ nhưng vẫn chưa tin. Bèn đưa cho quyển Thành Cụ Quang Minh Kinh gồm mười ngàn chữ. Đạo An vẫn mang kinh theo như trước, buổi chiều lại đem kinh về trả thầy. Thầy cầm kinh bắt đọc lại thì không sai một chữ. Thầy rất ngạc nhiên kinh dị. Về sau được thọ giới Cụ túc mặc tình đi đó đây tìm học. Ngày đời Tấn Hoài Mẫn nhân lánh nạn Tây đông, đầu tiên gặp được ngài Phật Đồ Trường. Đồ Trường vừa thấy đã khen thầm rồi cùng trò chuyện nhau suốt ngày, mọi người mới kính phục. Sau đó ngài đến Tương dương mở mang Phật pháp. Số kinh luận xưa đã dịch từ lâu nhưng phần dịch trước đây đều sai lầm, đến nỗi nghĩa lý sâu kín lệch lạc không thông suốt. Cho nên mỗi khi giảng thuyết chỉ lấy phần tựa và đại ý truyền đọc mà thôi. Ngài Đạo An bèn xem khắp hết các kinh điển, xét tìm chỗ sâu xa rồi chú thích giảng thuật hơn hai mươi bộ trước, lời tựa rất sâu sắc phong phú, lột hết ý chỉ thâm diệu, bố cục rõ ràng, văn lý thông suốt. Nghĩa lý của kinh sáng tỏ bắt đầu từ An vậy.

Lúc đó ở Tương dương có Tập Tạc Xī tài biện luận sắc bén trùm khắp thiên hạ lúc bấy giờ. Trước đây do Đạo An đã sớm nổi danh là bậc cao tài, bèn viết thư giao thiệp. Kịp lúc nghe An vừa đến nghỉ ngơi, liền sang thăm viếng. Khi vừa ngồi ngày liền lên tiếng đọc: “Tứ Hải Tập Tạc Xī”. An đáp: “Di Thiên Thích Đạo An”. Người đời lấy lời đáp ấy mà đặt tên ngài luôn. Sau đó Xī đem tặng mười quả lê, rồi cầm lấy mà ăn ngay giữa chúng. Riêng Đạo An thì cắt lê phân chia khắp mọi người không chút sai sót. Cao Bình Tức Siêu sai sứ đem biếu ngàn斛 gạo, cấp giấy sửa sách rất ân cần. Đạo An đáp thư rằng: “Gạo hao thì giặc lớn, xin phiến hãy chờ đợi!”.

Từ đời Hán Ngụy cho đến đời Tấn thì số kinh sách dịch ra khá nhiều mà người truyền thuật thì không đề tên tuổi, kẻ hậu sinh nếu có truy tìm khó biết được niên đại. Ngài Đạo An bèn gom chung các mục lục, tên tuổi, niên biểu của từng thời đại, nêu rõ các tác phẩm mới cũ, soạn thành kinh lục. Các kinh bấy giờ có đủ nguồn gốc căn cứ thật là

do công lao ấy.

Chúa Phù Tần theo lệnh tiên nhân liền sai Phù Phi đem mười vạn quân đánh lấy Tương dương, bắt cho được Thích Đạo An. Lúc đó ngài Đạo An trở về Trường an châu chùa Ngũ trùng. Tăng chúng số đông cả ngàn người, ngài ở đấy mà hoằng hóa Đại pháp. Chúa Phù Tần thường ra lệnh khiến ngài Đạo An lên xe đi cùng. Có kẻ can gián, vua bảo: Ta lấy thiên hạ trị vì không dễ dàng, huống chi vinh dự được ngồi cùng xe đâu có xứng với đức độ của ngài ấy. Ngài Đạo An can vua không cho đi nam chinh, vua không nghe quả nhiên bị bại trận. Lại bảo rằng: Mỗi khi Đạo An bảo dịch tiếng Phạm (Hồ) thành tiếng Tần (Hán) thì có năm lỗi gốc và ba điều không dễ:

1. Tiếng Hồ đảo hết mà dịch theo kiểu tiếng Tần là lỗi gốc thứ nhất.
2. Kinh Hồ chuộng chất mà người Tần lại thích lời văn nên truyền đạt đến tâm mọi người mà không phải văn thì không hợp, là lỗi gốc thứ hai.
3. Kinh Hồ tất cả đều ở lời ngâm vịnh, chắc chắn có đạo ngữ hoặc ba hay bốn chữ, không nệ văn nhiều, nay lại cắt bớt đi, đó là lỗi gốc thứ ba.
4. Nghĩa tiếng Hồ nếu nói thẳng thì hình như lời lẽ rối rắm, nhưng nếu tìm hiểu ngữ văn thì không khác hoặc một ngàn hay năm trăm điều cắt bỏ hết, là lỗi gốc thứ tư.
5. Sự đã hợp thành thì càng nên nương nhau. Nêu lời trước rồi sau mới nói lại bỏ hết, đó là lỗi gốc thứ năm.

Song Trí Kinh thì tâm có ba thấu đạt. Mò mẫm mà diễn giảng lời Thánh tất phải tùy thời, mà thời thì thói tục luôn thay đổi. Nhưng sửa lại cho hay nhã của sách xưa để thích hợp với thời này là một điều không phải dễ.

Ngu và trí cách nhau như trời với vực, Thánh nhân đâu thể cùng hàng. Nay lại muốn lấy lời nói vi diệu của bậc Tiên Thánh cách ngàn năm để khiến cho hợp với lời thô tục thấp hèn của trăm đời vua, là hai điều không phải dễ.

Ngài A-nan nói Kinh cách Phật không lâu, Tôn giả Ca-diếp cùng năm trăm vị lục thông cùng nhau xem xét và ghi nhớ lại, nay đã xa cách ngàn năm mà lấy ý gần gũi thời này để suy đoán rằng các vị A-la-hán kia đã cẩn thận nói năng như thế. Người sinh tử đời nay cũng sửa y như thế, thì đâu thể biết pháp nào cao hơn. Đây là ba điều không dễ.

Đã phạm phải năm lỗi trên, ba điều không dễ này khi dịch tiếng

Phạm (Hồ) thành tiếng Tần (Hán) há không cần thận ư? Nay không nói gì khác hơn là xin nói cho nhau biết để thông cảm mà thôi, đâu hiểm gì việc được mất. Ấy chính là điều chưa dám biết. Lại bảo rằng: Người xưa dịch kinh chỉ có Chi-sấm và An Thế Cao là xét thấu đáo được bản tiếng Phạm (Hồ), khó có ai tiếp nối, còn ngài La Xoa và Chi Việt là người khéo trau chuốt lời văn. Phạm Thánh hiền truyền dạy thì phải nên gắng sức. Quy kính viết thư cho các quan nên vĩnh viễn noi gương răn mình. Nhưng nếu gọi Phạm là Hồ thì lời nói nhỏ mà hại gốc lớn trộm nghĩ không nên nói tiếp nữa.

**\* Về đời Diêu Tần gồm có:**

- Xuất Diệu Kinh, mười chín quyển (dịch năm Kiến Ngươn thứ mười thấy trong Nhị Tần Lục và Cao Tăng Truyện, Bảo Xướng Lục... hoặc gọi là luận).

- Bồ-tát Anh Lạc Kinh, mười bốn quyển (dịch tháng bảy năm Kiến Ngươn thứ mười hai. Thấy trong Nhị Tần Lục, Cao Tăng Truyện, hoặc mười ba quyển).

- Thập Trụ Đoạn Kiết Kinh, mười một quyển (dịch lần thứ hai. Cùng với bản dịch tám quyển của Trúc Pháp Lan đời Hán có khác chút ít. Thấy ở Nhị Tần Lục và Cao Tăng Truyện, hoặc mười quyển).

- Tỳ Nại Gia Kinh, mười quyển (Hoặc gọi Giới Nhân Duyên Kinh Sa-môn Đàm Cảnh bút thọ. Thấy trong Kinh tựa của Thích Đạo An).

- Thập Địa Đoạn Kiết Kinh, mười quyển (dịch lần thứ hai).

- Bồ-tát Xử Thai Kinh, năm quyển (cũng gọi là Thai Kinh, thấy trong Nhị Tần Lục và Cao Tăng truyện).

- Đại Phương Đẳng Vô Tướng Kinh, năm quyển (hoặc bốn quyển, cũng gọi là Đại Vân Kinh).

- Trí Nhân Bồ-tát Kinh, ba quyển.

- Bồ-tát Phổ Xứ Kinh, ba quyển.

- Anh Lạc Bốn Nguyệt Kinh, hai quyển.

- Trung Ấm Kinh, hai quyển (Thấy ở Nhị Tần Lục và Cao Tăng Truyện).

- Vương Tử Pháp Ích Hoại Mục Nhân Duyên Kinh, một quyển (dịch lần hai, cùng với bản dịch của ngài Đàm-ma-nan-đề có khác chút ít. Hoặc gọi A-dục Vương Tức Hoại Mục Nhân Duyên Kinh).

- Thập Tụng Tỳ-kheo-ni Giới Sở Xuất Bản Mạt Kinh, một quyển (Ngài Tăng Thuận ở nước Câu-di có bản này, ngài Phật Niệm dịch nhưng văn rất rườm rà. Sau ngài Trúc Pháp Thái sửa lại. Thấy trong Bảo Xướng Lục).

Cả mười ba bộ tám mươi sáu quyển trên, ngày đời Tấn Hiếu Võ Đế, ở Kinh châu, do ngài Trúc Phật Niệm dịch. Ngài rất thông minh sáng láng, thuở nhỏ rất thích dạo chơi đây đó. Gia thế ngài ở Tây Hà, thông suốt cả tiếng Hoa, tiếng Phạm (Nhưng). Trước đời Tần Phù, đầu năm Kiến Ngươn ngài mới ngày Trường an. Lúc đó Bí Thư Lang Triệu Chánh mời các ngài Tăng Già Bạt Trường và Đàm-ma-nan-đề... dịch các kinh luận. Bảy giờ các danh Tăng chưa thể dịch thẳng được, mọi người đều cử ngài Trúc Phật Niệm, cả hai thứ văn và nghĩa rất sáng tỏ, đây là công lao dịch thuật của Niệm. Từ đời Hán trở lại sau ngài An Thế Cao và Chi Khiêm thì không ai hơn Niệm cả, cho nên gọi đó là vị tổ dịch thuật của hai đời Tần Phù Diêu. Trong nước hàng danh Tăng đều kính chuộng ngài. Về sau ngài tự dịch các tác phẩm như trước đã nói. Trong Cao Tăng truyện chép chỉ có năm bộ, ngoài ra các Tạp Lục khác đều ghi là tám bộ, nên cần nêu rõ ra đây.

\*\*\*\*

- Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, ba mươi quyển (hoặc hai mươi quyển. Tăng Hựu bảo là do ngài Tỳ-bà-sa dịch. Phòng tôi kiểm tra các truyện mới biết là do ngài Da-xá dịch. Nay căn cứ ngày truyện là đúng nên đổi lại. Thấy trong Bảo Xương Lục).

- Sai-ma Kinh, một quyển (đời Tấn, năm Long An, ngài Đạt Quảng châu ở Bạch sa dịch theo yêu cầu của Thanh tín nữ Trương Phổ Minh, đây nên sáp nhập ngày Tấn Thế Tỳ Nhân Phù Tần).

Cả hai bộ gồm ba mươi một quyển trên, ngày đời Tấn An Đế do Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-da-xá (Tần dịch là Pháp Xứng) người nước Kế Tân dịch. Da-xá là tên gọi, nhưng Cao Tăng truyện lại bảo: Pháp Minh do tiếng gọi làm Tự (chữ tên), so với lý thì hơi hẹp hòi. Ngày nam Nghĩa Hi, ngài ngày Trường An, cùng ngài Đàm-ma-quật-đa (Tần dịch là Pháp Tạng) người Thiên Trúc, ngày đời Tần, năm Hoàng Thủy thứ chín, đầu tiên theo yêu cầu của Diêu Hưng viết ra chữ Phạm. Đến năm thứ mười sáu ngày mùa thu mới dịch ngày, Thái tử nhà Tần là Hoàng đích thân xem xét ý nghĩa. Sa-môn Thích Đạo Tiêu viết tựa).

- Thập Tụng Luật, năm mươi tám quyển (ở Trung Tự, dịch mười bảy tháng mười năm Hoàng Thủy thứ sáu. Thấy trong Nhị Tần Lục xuống hàng). Một bộ, năm mươi tám quyển trên, ngày đời Tấn An Đế, do ngài Tam tạng Luật sư Phát-nhã-đa-la (Tần dịch là Công Đức Hoa) người nước Kế Tân, nổi tiếng về trì giới. Ngài đi giáo hóa khắp nơi. Khi ngài Đa-la đến nơi thì Diêu Hưng liền triệu ngày, cùng các bậc Danh đức tăng hơn sáu trăm vị ở Thường an, luôn mời ngài Đa-la đến nghỉ

ngôi ở Trung Tự. Ngài đọc Thập tụng Luật bằng Phạm văn, ngài Cưu-ma-la-thập dịch sang Tần văn (Hán). Chỉ mới dịch được hai phần ba thì ngài Đa-la an nhiên viên tịch, mọi người đều thương tiếc. Về sau ngài La-thập cùng ngài Đàm-ma-lưu-chi (Tần dịch là Pháp Hy) đọc và dịch ngày hết.

\*\*\*\*\*

- Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, ba mươi quyển (bản xưa có hai mươi quyển. Tăng Duệ Nhị Tần Lục bảo rằng: Khi dịch Đại Phẩm (Đại Tạng) thì Thiên Vương Diêu Hưng đời Tần tự cầm bản kinh xưa, ngài La-thập viết ra Phạm văn, ngài Phật Niệm chuyển ngữ ra Hán văn. Tăng Duệ, Tăng Triệu bút thọ cùng viết lời tựa. Do đây mà biết là bản dịch trước, nay là ba mươi quyển).

- Đại Phương Đẳng Đại Tập, ba mươi quyển (dịch lần thứ hai. So với bản dịch hai mươi bảy quyển của ngài Chi-sấm đời Hán thì khác chút ít. Thấy trong Lý Khuếch Lục, nay có Biệt Lục và Nhị Tần Lục. Trên tên Kinh đều có chữ “Tân”, nên biết nói là dịch từ bản cũ. Nay có sáu mươi quyển).

- Phóng Quang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, hai mươi quyển (dịch lần thứ hai, thấy trong Biệt Lục).

- Kiểm Chư Tội Phước Kinh, mười quyển (thấy trong Biệt Lục).

- Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, mười quyển (dịch lại ngày ngày năm Hoàng Thủy thứ mười. Hoặc bảy quyển. Ngài Tăng Duệ bút thọ. Thấy trong Nhị Tần Lục. So với bản dịch Bồ-đề Kinh bảy quyển, Biệt Lục nói Tăng Duệ viết tựa thì đồng nhau).

- Hoa Thủ Kinh, mười quyển (một tên là Nhiếp Thiện Căn Kinh, dịch năm Hoàng Thủy thứ tám. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, bảy quyển (châu Đại Tự dịch năm Hoàng Thủy thứ tám. Ngài Tăng Duệ bút thọ và viết tựa. Dịch lần thứ hai. So với bản chánh Pháp Hoa của ngài Pháp Hộ dịch đời Tấn thì bản đồng chỉ khác người dịch, mới cách nhau trăm năm. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Hiền Kiếp Kinh, bảy quyển (dịch năm tháng ba năm Hoàng Thủy thứ tư. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ thì giống nhiều khác ít. Ngài Đàm Cung bút thọ, thấy trong Nhị Tần Lục. Một tên là Hiền Kiếp Tam-muội Kinh, một tên là Hiền Kiếp Định Ý Kinh, gồm cả ba tên).

- Thập Trụ Kinh, năm quyển (Ngài La-thập cùng ngài Phật-đà-da-xá dịch, hoặc bốn quyển. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Tư Ích Kinh, bốn quyển (cũng gọi là Tư Ích Phạm Thiên Sở Vấn

Kinh, ở vườn Tiêu dao dịch ngày một tháng mười hai năm Hoàng Thủy thứ tư, dịch lần thứ hai. Cùng với Thắng Tư Duy Kinh của ngài Pháp Hộ dịch thì bản đồng mà khác người dịch. Thấy trong Nhị Tần Lục, Tăng Duệ viết tựa).

- Đại Thọ khẩn-na-la Kinh, bốn quyển (dịch lần thứ hai. So với bản Đôn Chân Đà-la-ni Kinh của ngài Chi-sấm thì bản đồng chỉ có khác người dịch. Lời văn lại tóm tắt hoặc rộng dài).

- Trì Thế Kinh, bốn quyển (dịch lần thứ hai. So với bản Trì Nhân Bồ-tát Sở Vấn Kinh của ngài Pháp Hộ dịch thì bản đồng chỉ khác người dịch, lời văn có một ít chỗ rộng hơn. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Duy-ma-cật Kinh, ba quyển (ở Đại Tự dịch năm Hoàng Thủy thứ tám, dịch lần thứ tư. So với bản dịch của các ngài Phật Điều, Chi Khiêm, Pháp Hộ... thì giống nhiều khác ít. Ngài Tăng Triệu bút thọ. Thấy trong Nhị Tần Lục. Ngài La-thập tự chú giải, ngài Tăng Duệ viết tựa).

- Phật Tạng Kinh, ba quyển (cũng gọi là Tuyển Trạch Chư Pháp Kinh, hoặc bốn quyển, dịch ngày mười hai tháng sáu năm Hoàng Thủy thứ bảy. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Bồ-tát Tạng Kinh, ba quyển (một tên là Phú-lâu-na Vấn Kinh, một tên là Đại Bi Tâm Kinh, hoặc hai quyển. Dịch năm Hoàng Thủy thứ bảy. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh, hai quyển (một tên là Tập Hoa Kinh, dịch năm Hoàng Thủy thứ bảy. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Thiên Kinh, ba quyển (một tên Bồ-tát Thiên Pháp Kinh. So với quyển Tọa Thiên Tam-muội Kinh thì giống nhau. Dịch năm tháng một năm Hoàng Thủy thứ tư. Thấy trong Nhị Tần và Bảo Xướng Lục).

- Thiên Bí Yếu Kinh, ba quyển (Thấy trong Biệt Lục hoặc không có chữ kinh, hoặc nói là một quyển).

- Thiên Pháp Yếu Kinh, ba quyển (trước đã dịch, năm Hoàng thủy thứ chín thì sửa lại cho đúng. Tăng Duệ viết tựa).

- A-xà-thế Kinh, hai quyển (thấy trong Biệt Lục).

- A-lan-nhã Tập Thiên Pháp Kinh, hai quyển (thấy trong Biệt Lục hoặc không có chữ kinh. So với Bộ Tọa Thiên Tam-muội Kinh thì đồng bản mà khác người dịch).

- Thiên Yếu Kinh, hai quyển (một tên là Thiên Pháp Yếu Giải thấy trong Biệt Lục).

- Phát Bồ-đề Tâm Kinh, hai quyển (thấy trong Lý Khuếch Lục).

- Tự Tại Vương Kinh, hai quyển (năm Hoàng Thủy thứ chín, ở nhà Thượng Thư Lệnh, Thường Sơn Công Diêu Hiển dịch lần đầu ngài

Tăng Duệ bút thọ và viết tựa. So với bản Đại Thập Tự Tại Vương Phẩm thì không giống. Trường Ngũ chứng rằng câu văn dịch ra có thiếu sót ít nhiều. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Thiện Tín Ma-ha Thần Chú Kinh, hai quyển (Thấy ở Lý Khuếch Lục).

- Bồ-tát Ha Sắc Dục Kinh, một quyển.

- Thủ-lăng-nghiêm Kinh, hai quyển (dịch lần thứ bảy. So với các bản dịch của Chi-sấm, Chi Khiêm, Bạch Diên, Pháp Hộ, Thúc Lan và Đông Phục Định thì hai kinh bản đồng mà khác người dịch. Lại đời Thục và sau này có thêm hai bản nữa hợp thành chín bản dịch, văn mỗi bản đều khác).

- Phạm Võng Kinh, hai quyển (năm Hoằng Thủy thứ tám, ở Thảo đường, có ba ngàn học sĩ sau cùng dịch ra một phẩm kinh này. Bản tiếng Phạm có một trăm mười hai quyển, sáu mươi một phẩm. Khi dịch ngày thì Nhóm Dung Ảnh ba trăm người... cùng lúc thọ mười giới Bồ-tát. Thấy bài tựa trước kinh do ngài Tăng Triệu bút thọ).

- Đại Thiện Quyền Kinh, hai quyển (Thấy ở Lý Khuếch Lục).

- Chư Pháp Vô Hành Kinh, hai quyển (hoặc một quyển, thấy ở Nhị Tần Lục).

- Vô Lượng Thọ Kinh, một quyển (một tên là A-di-đà Kinh, dịch ngày tám tháng hai năm Hoằng Thủy thứ tư, dịch lần thứ năm. So với bản dịch của các ngài Chi Khiêm, Khang Tăng Khải, Bạch Diên, Pháp Hộ... thì bản đồng mà văn có rộng hẹp, khác nhau chút ít. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Di-lặc Hạ Sinh Kinh, một quyển (cũng gọi là Di-lặc Thọ Quyết Kinh. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Di-lặc Thành Phật Kinh, một quyển (dịch năm Hoằng Thủy thứ tư, dịch lần thứ hai. So với bản dịch của ngài Pháp Hộ thì giống nhiều khác ít. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Kim Cang Bát-nhã Kinh, một quyển (chính là quyển Phật tại Xá-vệ Quốc. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, một quyển (thấy trong Biệt Lục, dịch lần thứ hai. So với bản dịch của Trúc Pháp Hộ đời Tấn thì văn có khác chút ít).

- Bồ-đề Kinh, một quyển (một tên là Văn-thù-sư-lợi Sơ Vấn Bồ-đề Kinh, một tên là Bồ-đề Vô Hạnh Kinh, một tên Già-da Đảnh Kinh).

- Di Giáo Kinh, một quyển (một tên là Phật Thùy Bát-niết-bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh).

- Thập Nhị Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Tập Thí Dụ Kinh, một quyển (rút từ Đạo Lược Tập, dịch ngày tháng mười năm Hoàng Thủy thứ bảy).
- Bồ-tát Ha Sắc Dục Kinh, một quyển.
- Tu-ma-đề Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Văn-thù Hối Quá Kinh, một quyển.
- Tỳ-kheo Ứng Pháp Hành Kinh, một quyển (Rút từ Trường A-hàm. Tăng Hựu Chú là sáp nhập ngày Nghi Lục).
- Vô Tư Nghi Quang Hải Đồng Bồ-tát Kinh, một quyển (cũng gọi là Bát Tư Nghi Quang Bồ-tát Sở Thuyết Kinh).
- Đại Phương Đẳng Đảnh Sinh Vương Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Đại Đảnh Vương Kinh của ngài Pháp Hộ thì bản đồng nhưng vẫn có khác chút ít).
- Đại Kim Sắc Khổng Tước Vương Kinh, một quyển (châu vườn Tiêu dao cũng Kiết Giới Trường đều đầy đủ phép tắc).
- Trang Nghiêm Bồ-đề Tâm Kinh, một quyển (dịch lần thứ hai. So với bộ Bồ-tát Thập Địa của ngài Pháp Hộ dịch thì bản đồng mà khác người dịch).
- Phật Đệ Tử Hóa Ma Tử Kệ Tụng Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập).
- Khai Hóa Ma Kinh, một quyển.
- Thái Bạch Ma Vương Kiên Tín Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập).
- Ma Nghiệp Kinh, một quyển.
- Quá Ma Pháp Giới Kinh, một quyển (Rút ở Đại Tập).
- Phật Vấn A-tu-luân Đại Hải Hữu Giảm Kinh, một quyển.
- Ma Vương Biến Thân Kinh, một quyển.
- Đông Phương Thiện Hoa Thế Giới Phật Tòa Chấn Đông Kinh một quyển
- Đà-la-ni Pháp Môn Lục Chủng Động Kinh, một quyển.
- Phật Tích Kiến Thiên Bức Luân Tướng Kinh, một quyển.
- Phật Tể Hóa Xuất Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Vãng Cổ Sinh Hòa Phật Quốc Nguyên Hành Pháp Điển Kinh, một quyển.
- Phật Khánh Khái Triệt Thập Phương Kinh, một quyển (rút ở Đại Tập).
- Quá Khứ Vô Biên Quang Tịnh Phật Độ Kinh, một quyển.
- Phật Biến Thời Hội Thân Kinh, một quyển.

- Vô Lượng Lạc Phật Độ Kinh, một quyển.
- Vương Hậu Vi Khương Lượng Kinh, một quyển.
- Phật Tâm Tổng Trì Kinh, một quyển (cùng bộ Tâm Kinh Tổng Trì rút từ Sinh Kinh thì có khác chút ít).
- Di Hưu Dữ Tỳ Cộng Hỷ Trí Biến Kinh, một quyển.
- Thủy Ngư Vương Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh)
- Tước Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ Tập).
- Thố Vương Kinh, một quyển (rút từ Sinh Kinh)
- Bồ-tát Thân Vi Cấp Vương Kinh, một quyển (rút từ Lục Độ Tập).
- Phật Tích Vi Lộc Vương Kinh, một quyển.
- Mục Ngư Kinh, một quyển.
- Hư Không Tạng Bồ-tát Vấn Trì Kinh Đắc Kỳ Sở Công Đức Kinh, một quyển.
- Quán Thế Âm Kinh, một quyển (Rút từ Tân Diệu Pháp Liên Hoa Kinh).
- Di-lặc Bồ-tát Bản Nguyên Đãi Thời Thành Phật Kinh, một quyển (cả ba mươi hai quyển kinh trên đều thấy ở Biệt Lục bảo là do ngài La-thập dịch lại).
- Đẳng Chỉ Nhân Duyên Kinh, một quyển.
- Quán Phổ Hiền Bồ-tát Kinh, một quyển.
- Thiểm Bản Khởi Kinh, một quyển (cũng gọi là Thiểm Kinh).
- Quán Phật Tam-muội Kinh, một quyển.
- Bảo Vọng Kinh, một quyển.
- ☉- Nhạo Anh Lạc Trang Nghiêm Kinh, một quyển.
- Thỉnh Quan Thế Âm Kinh, một quyển (7 quyển Kinh trên thấy trong Lý Khuếch Lục bảo là ngài La-thập dịch).
- Tư Duy Yếu Lược Pháp Kinh, một quyển (hoặc không có chữ Kinh).
- Trì Địa Kinh, một quyển.
- Bồ-tát Giới Bản, một quyển.
- Thập Tụng Tỳ-kheo Giới Bản, một quyển (dịch lần thứ hai, so với bản dịch của ngài Đàm-ma-trì có khác chút ít).
- Đại Trí Độ Luận, một trăm quyển (do Long Thọ Bồ-tát viết ra dịch. Ở vườn Tiêu dao ngày tháng năm, năm Hoàng Thủy thứ sáu Ngài Tăng Duệ bút thọ và viết lời tựa. Thấy trong Nhị Tần Lục. Ngài La-thập nói rằng nếu dịch đầy đủ thì phải đến một ngàn quyển. Người Tần có kiến thức yếu kém nên tóm lược lại chỉ còn một phần mười thôi).

Bát nhã kinh luận tạng, hai mươi quyển thấy ở ngô lục.

- Thập Trụ Tỳ-bà-sa, mười hai quyển (Ngài Long Thọ Bồ-tát viết).

- Thành Thật Luận, hai mươi quyển (hoặc mười sáu quyển, dịch năm Hoàng Thủy thứ tám. Ngài Đàm Lược bút thọ. Thấy trong Nhị Tần Lục. Bộ Luận này do ngài Ha-lê-bạt-ma viết ra sau khi Phật nhập diệt hơn tám trăm năm).

- Đại Trang Nghiêm Luận, mười quyển (Ngài Mã Minh Bồ-tát viết).

- Thập Trụ Luận, mười quyển (Ngài Long Thọ Bồ-tát viết, năm Hoàng Thủy dịch chưa ngày phần cuối quyển một, giống như Lục Độ Tập Kinh. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Trung Luận, tám quyển (hoặc bốn quyển. Ngài Long Thọ Bồ-tát viết, dịch năm Hoàng Thủy. Thấy trong Nhị Tần Lục. Ngài Tăng Duệ viết tựa).

- Bách Luận, hai quyển (Ngài Đề-bà Bồ-tát viết, dịch năm Hoàng Thủy thứ sáu. Thấy trong Nhị Tần Lục).

- Thập Nhị Môn Luận, một quyển (Ngài Long Thọ Bồ-tát viết, thấy trong Bảo Xương Lục. Ngài Tăng Duệ viết tựa).

- Mã Minh Bồ-tát Truyện, một quyển.

- Long Thọ Bồ-tát Truyện, một quyển.

- Đề Bà Bồ-tát Truyện, một quyển.

- Thật Tướng Luận, một quyển (Ngài La-thập tự viết).

Cả chín mươi bảy bộ gồm bốn trăm hai mươi lăm quyển trên, ngày đời Tấn An Đế do ngài Tam tạng Pháp sư Cửu-ma-la-thập Bà, Tần dịch là Đồng Thọ, người Thiên Trúc dịch. Ngày mùa Đông năm Hoàng Thủy thứ ba ngài đến Thường an. Vua Tần là Diêu Hưng rất kính trọng ngài. Thường mời ngài ngày Tây minh các và vườn Tiêu dao riêng châu Biệt quán. Lại sắc lệnh cho Tăng Khế tập họp các Sa-môn hơn tám trăm vị, hỏi han nhận ý chỉ của ngài La-thập, lại dịch Đại Phẩm. Vua bảo ngài La-thập đọc bản tiếng Phạm, còn mình tự tay cầm bản kinh cũ để dò theo, lời văn mới khác nghĩa xưa nhưng tất cả đều thông suốt, lòng mọi người đều vui thích kính phục. Cho nên Nhị Tần Lục khen ngợi: Ngài La-thập là kẻ làm vững chắc sáng mới Đại Phẩm, tức biết ngài có tài làm sáng tỏ ý xưa vậy.

Các thứ nêu ra đây có hơn hai mươi bộ đều thêm chữ “Tân” ở đầu tên Kinh. Người đời sau càng lâu xa bỏ bớt chữ Tân, nên các bản kinh không còn chữ Tân nữa. Song ở triều đại của Hưng thì việc tuyên dịch

rất thanh hành. Với Tâm coi thường Vạn Thặng, tôn kính giáo pháp Tam Bảo, vua đã không tiếc của cải mà sùng ngưỡng Phật pháp, luôn ở trong Đại Tự và Thảo đường cúng dường ba ngàn vị tăng, cùng La-thập chỉnh định lại các kinh mới cũ, không thứ nào không chuyên tinh nghiên cứu thông suốt đến ý chỉ sâu xa. Bấy giờ, ngài Tăng Duệ Pháp sư rất được vua biết đến, các kinh ngài La-thập dịch đều có Duệ tham dự sửa đổi. Xưa ngài Trúc Pháp Hộ dịch bộ Chánh Pháp Hoa, Thọ Quyết Phẩm có câu “Trời thấy người, người thấy trời”. Ngài La-thập dịch kinh đến chỗ này bảo rằng: Lời nói này cùng nghĩa của Tây Vực thì đúng, nhưng lời này ở đây quá chân chất thật thà. Duệ lên tiếng: Đâu chẳng phải trời người cùng giao tiếp nên hai bên cùng thấy nhau sao? Thập mừng quá nói lớn: “Thật rõ ràng Duệ và Thập cùng khai phát cho nhau”, đều thuộc loại như thế cả. Ngài La-thập còn theo yêu cầu của vua mà soạn bộ Thật Tướng Luận và chú giải kinh Duy-ma. Ngài La-thập rất thích Đại thừa nuôi chí phô bày diễn giải, thường than rằng: Ta cầm bút soạn bộ Ma-ha-diễn A-tỳ-đàm, không dám sánh với ngài Ca-chiên-diên Tử. Nay ở đất Tần này kẻ hiểu sâu rất ít, phân tích ra đây rồi sẽ ra sao? Lại thường nghe các Sư Tần nói Đạo Dung giảng kinh Tân Pháp Hoa, bèn khen rằng: Người khiến Phật pháp hưng thịnh chính là Dung vậy. Bồng ở nước Sư Tử có 1 vị Bà-la-môn học rộng, thông minh, biện luận giỏi, sách tục phương Tây ít khi đọc đến. Nhưng được ngoại đạo ở nước ấy tôn sùng, nay nghe ngài La-thập ở quan nội đang hoằng dương Phật pháp, bèn than thở với Đồ đệ rằng: Đâu thể riêng để cho đạo Phật được độc tôn truyền bá ở nước Chấn Đán. Nhưng nay sách vở chánh thuyết của chúng ta chưa truyền đến Đông Độ. Nhân đó bèn ngồi Lạc đà chở đầy sách vở lặn lội đi đến Thường An. Vua Diêu Hưng khi thấy nhận thức của ông ta hẹp hòi thiên lệch bèn nghi ngờ. Nhưng vị Bà-la-môn tâu với vua rằng: “Đạo cao không có ranh giới, chỉ quan trọng nó có được tôn quý hay không. Cho nên tôi từ xa đến đây rất mong được cùng các Sư nước Tần đấu lý, kẻ thắng sẽ được quyền truyền giáo. Vua đành hứa nhận. Lúc bấy giờ bốn phương Tăng chúng trong nước cùng nhìn nhau mà không dám đương đầu. Ngài La-thập bảo Đạo Dung rằng: Đây là kẻ ngoại đạo thông minh khác người, đấu lý tất sẽ thắng, nhưng chúng ta đâu có thể để đại đạo Vô thượng bị người ấy khuất phục tại đây được. Nếu để cho bọn ngoại đạo ấy mặc tình đắc chí, thì phép luân của bọn ta đành phải gãy trục, đâu thể như thế được. Như chỗ tôi thấy thì chính thầy là người đứng ra đối đầu. Đạo Dung tự xét tài đức của mình thì thấy không hề giảm sút, chỉ điều là các kinh sách ngoại đạo ở

Tây Vực thì mình chưa hề đọc hết. Bèn kín đáo sai người chép lại mục lục các kinh sách mà vị Bà-la-môn ấy đã đọc, rồi đọc qua một lượt. Sau đó hẹn ngày hôm sau sẽ nghị luận. Diêu Hưng tự đốc xuất các hàng công khanh đều cùng dự hội, Tăng chúng gần xa trong nước tất cả đều tập hợp. Khi ấy Đạo Dung cùng Bà-la-môn tranh luận, lý lẽ rất sắc bén, huyền ý cao siêu khiến ông ta không sánh kịp. Bấy giờ vị Bà-la-môn tự biết văn từ lý lẽ của mình đã bị khuất phục, nhưng có ý cho rằng việc mình học rộng là hơn. Ngài Đạo Dung bèn kể rõ các sách mình đã đọc, lại biện luận thêm các kinh sử ở đất Tần, các danh mục bộ quyển nhiều hơn gấp ba lần. Ngài La-thập nhân đó thừa thế giễu cợt rằng: Ngài há không nghe nước Đại Tần học rộng hay sao mà ngài lại tự hạ mình lặn lội cực khổ từ xa đến đây Vị Bà-la-môn rất xấu hổ hối hận sụp lạy dưới chân Đạo Dung. Khoảng tuần nhật sau lặng lẽ ra đi. Từ đấy đạo pháp lại càng hưng thịnh ấy là do công sức của các ngài Cửu-ma-la-thập và Đạo Dung. Về sau ngài Đại Dung trở về Bành thành vẫn liên tục thuyết giảng, có hơn ngàn người thường tới lui nghe đạo với ngài, trong đó có hơn ba trăm người là môn đồ chính thức. Tánh ngài không thích nói năng cợt nhả ồn ào, ngài thường lên lầu cao để ngoạn cảnh, ân cần khuyến thiện trọn cuộc đời hết lòng hoằng truyền đạo pháp. Về sau ngài viên tịch tại Bành thành, thọ được bảy mươi bốn tuổi.

- Trường A-hàm Kinh, hai mươi hai quyển (dịch năm Hoàng Thủy thứ mười lăm, ngài Trúc Phật Niệm bút thọ. Thấy ở Nhị Tần Lục).

- Hư Không Tạng, một quyển (sau khi trở về ngoại quốc đến nước Kế Tân thì ngài gặp được kinh này rồi gửi đến các Tăng ở Kinh châu. Thấy trong Đạo huệ Tống Tê Lục).

- Đàm-vô-đức Luật, bốn mươi lăm quyển (Đây là tên người Tần dịch Đàm-vô-đức là Pháp Tạng, tức Luật chủ Tứ Phần hoặc sáu mươi quyển).

- Đàm-vô-đức Giới Bản, một quyển (Hai quyển giới luật trên thấy trong Tấn Thế Tạng Lục).

Cả bốn bộ, sáu mươi chín quyển, ngày đời Tấn An Đế, do ngài Tam tạng Pháp sư Phật-đà-da-xá (Tần dịch là Giác Danh). Ngài Da-xá vốn dòng Bà-la-môn, Tổ tông ngài kính thờ ngoại đạo mà nhà thờ kính ngoại đạo thì tất là không tinh tưởng Phật pháp. Một hôm có vị Sa-môn đến nhà khát thực, cha ngài nổi giận sai người đánh mắng. Bỗng nhiên tay chân của ông cụ bị co quắp không cử động được nữa. Trong lúc kinh hoàng gấp rút bèn hỏi thầy bói. Thần đoán quẻ ngày bảo đã phạm phải bạn Hiền nhân nên khiến như thế. Bấy giờ mới chợt hiểu ra. Bèn đến

mời vị Tỳ-kheo bị đánh hôm trước về nhà rồi chí thành sám hối. Vài hôm sau thì bệnh liền hết. Nhân đó cho ngài Da-xá cạo tóc xuất gia theo làm đệ tử vị sư ấy, lúc đó ngài mới mười ba tuổi. Có một lần theo thầy đi xa, đến khoảng đồng vắng bỗng gặp phải một con cọp to. Thầy toan chạy đi, Da-xá can bảo: “Cọp này đã no tất không hại người”. Bỗng cọp bỏ đi. Trên đường đi tới không bao xa quả nhiên thấy có đồng thịt dừ. Thấy ngằm cho là lạ. Đến năm mười lăm tuổi, ngài đọc kinh suốt ngày đến hai, ba vạn chữ. Nhưng ở ngài ở thì phải luôn đi khát thực, mất hết thì giờ đọc sách. Có một vị A-la-hán quý trọng ngài thông minh nên luôn đi khát thực đem về chia lại cho ngài dùng. Đến năm mười chín tuổi ngài thọ trì đọc tụng kinh điển tại Đại tiểu thừa hơn cả trăm vạn lời. Song tánh ngài ỷ có đọc nhiều sách vở mà có phần kiêu ngạo. Ngài bảo: Trong thiên hạ hiếm có người làm thầy được ngài. Vì thế không được chư Tăng kính trọng. Nhưng hình dung đẹp đẽ, đi đứng khéo léo lại hay nói cười vui vẻ, nên ai đối mặt nhìn ngài thì tất hờn sâu đều quên hết. Đến năm tới tuổi thọ giới Cụ túc thì ngài không tham dự, do đó vẫn mãi còn làm Sa-di, bèn theo cậu học về Ngũ Minh Luận, tất cả pháp thuật ở thế gian đều luyện tập thuần thục. Đến năm hai mươi bảy tuổi ngài mới thọ giới Cụ túc, luôn lấy việc đọc sách suy tìm làm nghiệp vụ, sớm tối cần cù tay không rời sách. Mỗi khi ngồi nghiêm liên suy tư nghĩa lý, ngài luôn bảo rằng: “Không khéo là bỏ phí thì giờ quý báu”. Sự tinh chuyên của ngài đại khái đều là thế cả.

Khi ngài đến nước Sa-lặc thì nhà vua nước ấy bệnh chưa giảm, nên mời ba ngàn vị Tăng ngày cung để thiết hội nhưng Da-xá chỉ đến có một mình, Thái tử con vua là Đạt-ma-phát-đa (Tân dịch là Phát Tử), thấy ngài Da-xá dung mạo đoan chánh, ăn mặc tao nhã bèn hỏi từ đâu đến? Ngài Da-xá đối đáp lời lẽ thanh nhã, nên thái tử rất vui lòng, bèn mời ngài ở lại trong cung để cúng dường, đãi ngộ rất trọng hậu. Ngài La-thập đến sau và thọ học kinh luật với ngài Da-xá, cả hai thầy trò đều quý kính nhau. Sau ngài La-thập theo mẹ trở về nước Quy Tư, ngài Da-xá ở lại. Lúc đó Quốc vương tạ thế, Thái tử lên ngôi. Bấy giờ Phù Kiên chánh thức sai Lữ Quang đem quân Tây phạt nước Quy Tư. Vua Quy Tư gấp rút sang cầu cứu với nước Sa-lặc. Vua Sa-lặc đích thân đem quân cứu viện. Vua biết khó giữ được ngài Da-xá nên khiến ngài ở lại phụ giúp Thái tử lo việc hậu sự. Quân cứu viện chưa đến thì nước Quy Tư đã bại trận. Vua nước Sa-lặc trở về nói đủ mọi việc về ngài La-thập bị Lữ Quang bắt giữ. Ngài Da-xá than rằng: Ta cùng La-thập gặp nhau tuy lâu nhưng chưa thỏa hết hoài bão, nay bị cướp đi một cách bất ngờ biết bao

giờ sẽ gặp lại được. Bèn ở lại Sa-lặc hơn mười năm. Sau đó ngài Da-xá sang phía Đông, đến nước Quy Tư giao hóa rất thanh hành. Lúc đó ngài La-thập châu nước Cô Tang, cho người đưa tin mời thỉnh. Ngài Da-xá định cơm áo lên đường thì bị nhân dân giữ lại, nên phải ở lại khoảng một năm. Sau đó bảo đệ tử rằng: Ta nay muốn tìm đến La-thập, hãy lên cái trang y phục, giữa khuya lên đường chớ để ai biết. Đệ tử can rằng: Dù có thoát ra được thì sáng đến cũng khó đi tới được, lại bị truy đuổi thì sự việc sẽ ra sao? Ngài Da-xá bèn lấy một bát nước trong bả thuốc ngày đó rồi rồi đọc chú khoảng mười câu, rồi đưa cho đệ tử bảo đem rửa chân. Rồi ra đi trong đêm ấy. Đến sáng thì tính ra đã đi hơn mấy trăm dặm. Ngài hỏi đệ tử chỗ nào biết không Thưa rằng: Trong tai chỉ nghe tiếng gió kêu vù nước vù, mắt chảy Ngài Da-xá bèn chú nguyện và đưa nước rửa chân, nhân đó nghỉ ngơi chốc lát. Đến sáng cách bọn người đuổi theo có mấy trăm dặm.

Năm Hoàng Thủy thứ tám, ngài đã đến nước Cô Tang mà ngài La-thập thì đã ngày được Thường an từ lâu. Lại nghe nói Diêu Hưng đã nhốt La-thập ở trong nhà riêng và bắt ngài làm chuyện phi pháp. Ngài buồn thương than rằng: Ngài Cưu-ma-la-thập như bông tơ quý hiếm, sao nỡ bắt ngài ngày chốn rừng rậm gai góc được ư? Trước đây ngài La-thập từng kính chuộng ngài Da-xá, nên khi nghe biết ngài đến nước Cô Tang thì rất đổi vui mừng, liền khuyên Diêu Hưng nên sai sứ đến đón rước ngài Da-xá, nhưng Hưng chưa chịu. Lúc đó Hưng bảo ngài La-thập dịch kinh. Ngài La-thập thưa: Phạm muốn tuyên thông giáo pháp Vô thượng thì cần phải khiến văn nghĩa lý thú tinh thông. Bản đạo tuy đã đọc hết văn nhưng chưa thấu suốt hết lý. Chỉ có ngài Da-xá mới thấu suốt nghĩa lý sâu xa. Nay ngài đang châu nước Cô Tang xin nhà vua ra chiếu mời về, xin hứa cho một tiếng rõ ràng, sau đó mới dịch thuật, khiến một ý nhỏ không sót ngàn đời tin tưởng. Hưng bèn nghe theo. Liền sai sứ mang tặng nhiều của quý, nhưng ngài Da-xá không nhận, cười bảo rằng: Lệnh vua đã phán, liền phải đi ngay. Nhưng thí chủ trọng đãi kẻ sĩ rất hậu, nếu chưa thấy La-thập được thả ra thì chưa dám nghe lệnh. Hưng khen là người rất thận trọng. Vua nhiều lần sai sứ đến đôn đốc dẫn dụ thì ngài mới đến Thường an. Hưng tự đôn đốc các quan riêng lập một khu đất mới ở vườn Tiêu dao, tứ sự cúng dường nhưng ngài đều không nhận. Mỗi sáng đến giờ thì đi khát thực về ăn một bữa mà thôi. Ngài Da-xá là người có râu đỏ lại rất giỏi về Tỳ-bà-sa nên người đời gọi là Râu Đỏ Tỳ-bà-sa. Ngài La-thập đã trọng là thầy nên cũng khen là bậc Đại Tỳ-bà-sa. Tứ sự cúng dường, y bát ngoại cụ chất đầy đủ cả ba

gian nhà nhưng ngài không chút quan tâm. Hưng lấy đem đổi vật liệu về xây cất chùa và tinh xá. Trước đây ngài Da-xá thường tụng Tứ Phần Luật. Lúc thỉnh ngài phiên dịch, còn nghi là có sự sa sót lầm lẫn nên vua bảo ngài đọc lại nguyên bản tiếng Phạm. Ngài liền đọc lại hơn cả năm vạn lời, trải suốt hai ngày vẫn không sai một chữ, mọi người đều xá dài kính phục.

Năm Hoàng Thủy thứ mười hai thì dịch Tứ Phần Luật... đến năm thứ mười lăm mới dịch ngày. Hưng đem cúng cho ngài Da-xá vải lụa cả vạn xấp, nhưng ngài đều không nhận. Có hai vị Sa-môn Đạo Hàm và Trúc Phật Niệm làm bút thọ, mỗi vị được cúng cho cả ngàn xấp lụa. Ngoài ra còn có năm trăm bậc Sa-môn Danh Đức đều được trọng thưởng. Về sau ngài Da-xá trở về Tây Vực không biết cuối cùng ra sao.

- Bát-nhã Vô Tri Luận, một quyển.
- Bát Chân Không Luận, một quyển.
- Vật Bất Thiên Luận, một quyển.
- Niết Bàn Vô danh Luận, một quyển.

Cả bốn bộ, bốn quyển trên ngày đời Tấn An Đế, do ngài Sa-môn Thích Tăng Triệu viết ra. Tăng Triệu người kinh triệu vốn nhà nghèo, chỉ lấy việc viết thuê để nuôi sống. Nhân viết chữ rõ ràng mà được để ý, đã xem qua nhiều Kinh sử đủ cả các sách vở. Tánh thích chuyên huyền vi nên mỗi khi nói đến Lão Trang thì cho là rất hợp với ý mình. Có lần đọc sách Lão Tử đến chương Đạo Đức thì khen rằng: “Hay thì hay đấy, song chỗ lụy Thần Minh kia cũng chưa hết được”. Sau đó nhân gặp bộ kinh Duy-ma xưa rất vui mừng lãnh thọ, suy tìm thưởng ngoạn ý vị. Bèn bảo: “Nay mới biết được chỗ nương về”. Nhân đó bèn xuất gia, học giỏi về Phương đẳng, gồm thông cả Tam tạng mới tuổi thành niên mà danh tiếng khắp quan nội. Người đương thời đua nhau khen ngợi, ai cũng không ngờ là ngài phát đạt sớm. Hoặc có người từ ngàn dặm xa mang lương khô theo ngày quan nội để cùng biện luận. Triệu đã có tài suy tư sâu kín lại khéo nói năng bàn luận nên thừa cơ bắt bẻ khuất phục một cách dễ dàng. Lúc đó, hàng Túc Nho ở Kinh Triệu và những kẻ sĩ tài giỏi ở quan ngoại, chẳng ai là không bị khuất phục tài biện luận sắc bén của Triệu. Về sau ngài La-thập đến Cô Tang thì Tăng Triệu cũng từ xa theo đến. Ngài La-thập khen ngợi vô cùng. Kịp khi ngài La-thập đến Thường An thì Triệu liền cũng theo ngày. Diêu Hưng bảo Triệu và Tăng Duệ cùng ngày vườn Tiêu dao giúp hiệu đính kinh luận. Tăng Triệu là người huệ sáng tài giỏi, cho rằng thời Tượng pháp cách Phật

đã lâu, văn nghĩa nhiều lần lộn, các sách xưa đã diễn giải trước đây thì bây giờ có nhiều chỗ sai lầm. Ngài tham dự việc dịch thuật rõ ràng, hỏi han trình bắm lại ngài La-thập nên chỗ liễu ngộ càng nhiều. Sau khi dịch Đại Phẩm nhân đó Triệu liền soạn bộ Bát-nhã Vô Tri Luận hơn hai ngàn chữ, đem trình lên La-thập, ngài đọc ngày, khen hay, bèn bảo Triệu rằng “Sự hiểu của ta chẳng cách xa thầy bao nhiêu, chỉ dám xin giúp nhau về lời văn. Lúc đó ở Lô Sơn có kẻ ẩn sĩ là Lưu Di Dân xem thấy bộ luận này của Triệu bèn khen rằng: Bất ngờ Phương Báo lại có Bình Thúc Nhân đó đem trình lên ngài huệ Viễn xem, Viễn bèn vỗ ngực khen rằng: “Thật chưa từng có!”. Nhân đó cùng suy tìm thưởng thức ý vị lại có muốn giao tiếp qua lại. Di Dân bèn viết thư cho Triệu rằng: Xin hỏi trong khoảng thời gian ngắn ngủi có niềm ngưỡng mộ từ xa Trời cuối năm rét đậm quý thể có hề hấn gì chẳng? Thư gửi từ xa lòng đầy lo lắng. Đệ tử luôn đắm mình trong đầm cỏ nên thường bệnh hoạn luôn. Cầu mong đại chúng đều Khang hòa, Pháp sư ngoại quốc luôn được tốt hơn chẳng? Cuối hạ năm rồi nhân đọc được bộ Bát-nhã Vô Tri Luận của Thượng Nhân, thật là lời văn thanh nhã, ý chỉ thâm trầm đầy đủ, suy lời Phật nói rõ ràng có chỗ nương về. Mở đọc thưởng thức ý vị ân cần chẳng hề rời tay. Thật có thể bảo rằng: Tâm gọi vực sâu phương đẳng, ý ngộ ngày chón sáng thân thang. Khéo léo tột cùng, không có chỗ chê trách. Nhưng kẻ mời tối khó hiểu vẫn còn có chỗ nghi điều riêng lẻ, cúi mong nhân lúc rỗi rảnh mà giải thích sơ lược cho:

Ngài Tăng Triệu viết thư đáp lời: “Từ xưa chưa hề gặp chỉ có ý nhớ nhau. Lại được thư vừa rồi hỏi han cận kề mừng như gặp được làn gió mát, thời tiết hiện giờ sức khỏe ra sao? Sức khỏe của bản đạo không được khá lắm. Đại chúng vẫn được bình thường, ngài La-thập Pháp sư vẫn khỏe mạnh. Chúa Tần đạo tánh tự nhiên, thiên cơ hơn thói tục Hà thành vẫn lấy việc hoằng dương Tam bảo làm nghiệp vụ. Do ham kinh lạ thầy giỏi mà từ xa lặn lội đến tìm. Phong cách Linh thứu hợp với đất này. Được ngài tuệ viễn khen ngợi đó chính là ngàn đời. Ở Tây Vực lại được Kinh mới Phương Đẳng hơn hai trăm bộ. Ngài La-thập châu Đại Tự dịch mới các kinh. Kho pháp rộng sâu mỗi ngày càng thêm điều mới. Thiền sư ở Ngõa Quan Tự rèn dạy Đạo Thiên, môn đồ có đến mấy trăm người ngày đêm tinh tấn, chăm chăm đấu đấu để đạt đến chỗ trọn vui. Còn Tam tạng Pháp sư thì ở Trung Tự dịch Luật Bộ trước sau đều rõ, xem như mới viết ra ở thời nay. Pháp sư Tỳ-bà-xa (Da-xá) châu chùa Thạch dương dịch Xá-lợi-phất Tỳ-đàm. Bản tiếng Phạm tuy chưa kịp dịch. Bây giờ về việc hỏi han của ông thì lời lẽ quá mới lạ, còn bản

đạo cả một đời ngu dốt, dầu đã tham gia nhiều vận hội hoằng hóa đạo pháp thanh hành, nhưng tự mình chưa thấy được việc kết tập sau khi Đức Thích-ca Nhập Niết-bàn, ngoài ra thì không ân hận gì nữa. Chỉ hận là không được cùng các bậc đạo trưởng quân tử đồng tham dự cuộc kết tập ấy mà thôi! Khen vịnh đã nhiều hay có điều chi dặn bảo. Song nay hỏi han nhún nhường đâu phải là người đất Dĩnh. Bần đạo nghĩ mình chưa thấu đáo hơn người. Còn việc nói năng hãy còn khá vụng về. Vả lại chỗ chí thù thì không thể nói, mà nói ra thì trái với chí thú, cứ mãi như thế không thôi thì còn gì mà luận nữa? Nay mượn lời ngông cuồng xin đáp lại ý chỉ.”

Sau đó ngài Tăng Triệu soạn các bộ Bất Chân Không Luận, Vật Bất Thiên Luận... cùng chú giải kinh Duy-ma viết lời tựa các kinh luận khác, đều được lưu truyền trên đời.

Ngay sau khi ngài La-thập viên tịch, sau lễ truy điệu ngài Tăng triệu đi hẳn về Kiều Tư Di Lê (?) Bền soạn ra bộ Niết-bàn Vô Danh Luận và có lời rằng: “Kinh nói có Hữu dư và Vô dư Niết-bàn, thì tiếng Tần (Hán) gọi là Vô vi, cũng gọi là diệt độ. Vô vi Niết-bàn tức là Hư vô tịch mặc mẫu nhiệm tuyệt dứt Hữu vi. Nói diệt độ tức là nói đã dứt hẳn nạn lớn, vượt thoát bốn dòng. Bởi đây là chỗ nương về của gương và bóng. Là chỗ sâu kín nhất dứt hẳn nói năng. Nhưng nói Hữu dư và Vô dư là do chỗ xuất xứ mà có tên gọi khác. Ứng với vật mà giả gọi, tôi có lần thử nói thế. Vì Niết-bàn chính là Đạo vậy. Bởi Tịch Liêu trống không thì không thể từ hình danh mà được. Vì diệu vô tướng thì không thể lấy có tâm mà biết được. Siêu quần vì vượt chỗ tối tăm, lượng bằng Thái Hư và Vĩnh Cửu. Theo dõi thì không có dấu tích, nghinh đón chẳng thấy đâu là đầu mối. Sáu nẻo không thể tiếp nhận đời sống của nó. Xô đẩy không thay đổi được thể nó. Nhập nhạo như có như không, dù cả năm mắt cũng không thấy rõ hình dạng, cả hai tai cũng chẳng nghe được tiếng vang. Mờ mịt sâu xa ai thấy ai hiểu. Làn sóng lớn chỉ lướt qua không ở mãi mà riêng lời kéo cái biểu hiện “có không”. Song khi đã nói ra thì liền mất cái chân thật của nó, biết là trái với ngu của nó. Có thì trái với tánh nó, mà không thì hại thân nó. Do đó mà Đức Thích-ca đóng chặt cửa ở Ma-kiệt, ngài Tịnh Danh bịt miệng ở Tỳ-gia, ngài Tu-bồ-đề nói “Không lời” để bày đạo, Thích Phạm dứt sự nghe mà rải hoa. Đây đều Lý là thân ngữ, cho nên miệng phải ngậm im. Đâu có thể nói là không biện luận, đó là biện luận về điều không thể nói vậy. Kinh nói: Chân giải thoát là lìa bỏ nói năng mà tịch diệt vĩnh an, không đầu đuôi, không sáng tối, không lạnh nóng, trống rỗng như hư không, không

tên không chứng. Luận nói rằng: Niết-bàn không phải có cũng chẳng phải không, đường ngôn ngữ dứt chỗ tâm hành diệt Vả như khi viết kinh luận đâu thể hư cấu? Nếu nó có là tại vì không có thì không thể được mà có, còn nếu nó có là vì chẳng phải không, nên không thể được mà không. Cảnh có thì cả năm ấm bị diệt mất. Suy ra cũng không có mình thì u linh không mất. Khi u linh không mất thì ôm lấy khối sáng láng trống không. Khi năm ấm đã diệt mất thì muôn lụy đều không. Muôn lụy đã không cho nên cùng với đạo thông suốt. Vì ôm lấy một khối sáng láng trống không, cho nên có thần mà không cần công sức. Vì Thần trí không công cho nên công luôn to lớn hiện hữu. Vì cùng với đạo thông suốt nhau cho nên hòa nhau mà không thay đổi. Vì hòa nhau mà không thay đổi nên không thể là có. Công năng to lớn luôn hiện hữu thì không thể nào là không. Song bên trong dứt hẳn “có- không” nên biểu lộ ra bên ngoài. Chỗ thấy nghe không thể đạt đến, bốn phía trống không đều mờ mịt. Yên lặng mà công bằng, lặng lẽ mà to lớn. Cả chín dòng do đó mà giao hội, toàn Thánh chúng nhân đây mà ngẫm hiểu. Đây chính là cực vui là quê hương của Thái huyền, mà muốn dùng tên có không để nêu rõ ranh giới, mà lời nói Thần đạo thì cũng chẳng xa xôi. Sau đó thêm mười điển chín chiết (bàn đi luận lại nhiều lần) có hơn ngàn lời, văn quá nhiều nên không chép hết. Sau khi soạn bộ Luận ngày bèn dâng biểu tâu lên Diêu Hưng rằng: Triệu tôi nghe rằng: Trời mà có một thì trong xanh, đất nếu là một thì yên bình, vua mà duy nhất thì trị vì thiên hạ. Rất mong Bệ Hạ Duệ triết sáng suốt phân minh, Đạo cùng Thần gặp nhau, khéo khế hợp trong cõi trần hoàn, muôn lý đều thống nhất. Cho nên luận bàn để nhiếp hóa cả muôn cơ, suốt ngày hoàng đạo. Nay giáo hóa cho mọi người nên viết thành lời văn làm mẫu mực. Do đó trong cõi có bốn vị Đại vương cùng ở một nơi, đạo Niết-bàn là chỗ nương về của ba thừa, là vực sâu của Phương đẳng, mênh mông, vui vẻ dứt hết cả sự thấy nghe, sâu kín hư huyền, không phải hạng thường tình có thể suy lường hiểu biết được. Triệu tôi vốn là kẻ hèn hạ kém cỏi, may nhờ ân vua mà được ở yên học tập, đã theo học với ngài La-thập trên mười năm. Tuy các kinh có nhiều lý thú khác nhau, chỗ hay lạ đặc biệt không phải là một. Nhưng Niết-bàn là một nghĩa mới được nghe lần đầu. Chỉ vì Triệu tôi tài trí hèn kém, tuy đã luôn được khuyên bảo dẫn dụ nhưng vẫn còn mịt mờ, vì cái ngu đeo đẳng mãi không thôi, dầu có vài chỗ dường như đã hiểu rõ, nhưng chưa từng được nghe các bậc Cao minh nói trước nên không dám tự quyết. Chẳng may ngài La-thập đã viên tịch, không có nơi hỏi han tham vấn, đành lấy làm ân hận suốt

đời. Nay bệ hạ Thánh đức đủ đầy, đã riêng cùng ngài La-thập thần khí khế hợp thấy rõ Lý đạo, quyết định được chỗ phải trái. Cho nên có thể phát lên ngọn Huyền phong để mở mang cho kẻ tục kém cỏi. Một hôm nhờ gặp gỡ đáp lời ngài An Thành Hầu là Tung hỏi về chỗ cùng cực của Vô vi, lại luận sang cái nghĩa vô danh của Niết-bàn. Nay liền soạn ra bộ Niết-bàn Vô Danh Luận, gồm có mười diễn và chín chiết, thâm nhập rộng rãi các kinh mượn làm chứng cứ để thí dụ, kính cẩn trình bày lên bệ hạ chỗ tốt cùng của Vô Danh. Nào dám bảo là mở mang chỉ thú của thần tâm, nghiên cứu tốt cùng chỗ sâu xa, may ra đem chút nghị luận về Huyền môn để ban bảo dẫn dụ cho đám học trò mà thôi. Nếu có hợp với chút ít Thánh chỉ cúi mong bệ hạ ban lệnh cho phép để lại, như có những sai sót rất mong bệ hạ chỉ giáo. Diêu Hưng đáp chỉ ân cần khen ngợi, liền ra lệnh viết lại bộ luận trên bằng chữ thật đẹp đem ban cho các con cháu. Thời ấy được quý trọng như thế.

Nhị Tần Chúng Kinh Lục Mục, một quyển.

Một quyển trên do Sa-môn Thích Tăng Duệ soạn ra. Tăng Duệ là người ở Ngụy Quận, xuất gia từ thuở nhỏ, rất thông minh lanh lợi, là đệ tử của ngài Tăng Hiền. Năm hai mươi hai tuổi thì lão thông kinh luận. Thường khi nghe ngài Tăng Lãng Pháp sư giảng kinh Phóng Quang nhiều lần chê bai vấn nạn. Hai ngài Tăng Lãng và Tăng Hiền giao ước nhau trên bờ hào. Lãng bảo Hiền rằng: Những so sánh suy xét và vấn nạn của Duệ khiến tôi suy nghĩ nhiều cũng khó thể thông suốt được. Có thể gọi đó là Hiền Hiền đệ tử. Về sau khi ngài Quan Trung thì gặp được ngài La-thập đang dịch kinh, liền cùng đến tham dự dịch thuật. Ti Đồ Công đời Tần là Diêu Tung tiếp đãi ngài rất trọng hậu. Diêu Hưng hỏi Tung: Ông Tăng Duệ như thế nào? Tung đáp: “Duệ thật là hạng tòng bách của Đất Nghiệp Vệ này vậy.”. Hưng ra lệnh cho ngài bệ kiến để biết rõ tài năng thì thấy Duệ có phong vận sâu xa, nói im đều thanh nhã. Hưng rất vui mừng và ban thưởng rất hậu, cung cấp bổng lộc và sai người khỏe mạnh kéo xe cho ngài đi. Hưng bảo Tung rằng: Đó là kẻ tiêu biểu chung của cả bốn bể, đâu riêng gì là Tòng bách của đất Nghiệp Vệ. Sau khi ngài La-thập dịch ngài Thành Thật Luận thì bảo ngài Tăng Duệ giảng giải. La-thập bảo Duệ rằng: Trong chỗ tranh luận này có bảy chỗ lời văn bác bỏ A-tỳ-đàm, nhưng trong lời nói có vài chỗ ẩn kín. Nếu không cần hỏi mà tự hiểu rõ được thì có thể gọi là bậc anh tài. Khi Duệ giảng giải chỗ sâu kín thì quả nhiên không cần tham hỏi ngài La-thập mà vẫn khế hội với lẽ Huyền Ngài La-thập khen rằng: Ta truyền dịch kinh luận mà may mắn gặp thầy thì không còn lo lắng ân

hận điều gì cả”. Ngài hoằng hóa rộng mở kinh pháp khiến thường còn và đem điều thiện này mà hồi hướng nguyện sinh về nước An Dưỡng. Mỗi khi đi đứng nằm ngồi đều không dám quay lưng về hướng Tây. Đến lúc lâm chung ngài chấp tay mà viên tịch. Người trong chùa đều thấy có ánh sáng năm sắc từ phòng ngài Tăng Duệ phóng ra rực rỡ.

\*\*\*\*

- Thích Bác Luận, một quyển.

Một quyển luận trên do ngài Sa-môn Thích Đạo Hằng soạn ra. Ngài Đạo Hằng người Lam Điền. Năm lên chín tuổi khi ra đường chơi ngài Ấn Sĩ Trương Trung gặp được khen rằng: Đức trẻ này có tướng hơn người, nếu ở thế tục thì có công giúp nước như quan phụ chánh, còn ở trong Đạo thì làm sáng tỏ Phật pháp. Hiềm một nỗi là ta đã già không thấy được việc này. Đạo Hằng sớm mất hai thân, nhưng thờ mẹ kế rất trọn Hiếu đạo. Nhà nghèo không của cải gì, thường chính tay viết chữ vẽ hình để mọi người thờ phụng. Lại dốc lòng thích học kinh điển suốt đêm. Đến năm hai mươi tuổi sau khi mẹ kế qua đời, ngài chôn cất và để tang ngày xuôi, liền đi xuất gia. Khi luận bàn Phật Lý thì đều thông suốt, học cả nội ngoại điển, tài trí rất thông minh lanh lợi. Khi ngài La-thập ngày Trung Quốc thì Đạo Hằng liền đến sửa văn kinh sách. Ngài La-thập rất đổi mừng rỡ. Lại dịch thêm nhiều kinh rồi cùng giúp ngài hiệu đính.

Khi ấy ngài Đạo Hằng có bạn đồng học là ngài Đạo Tiêu, văn tài cũng rất thanh nhã. Đương thời nổi tiếng cùng ngang bậc với ngài Đạo Hằng. Lúc đó chúa Tần là Diêu Hưng thấy thần khí của cả hai người rất giỏi dang sáng láng, có đủ tài giúp trị nước. Liền ra lệnh cho quan Thượng thư lệnh là Diêu Hiến phải đôn đốc cương bức bách Đạo Hằng và Đạo Tiêu phải bỏ Đạo để giúp vua trị nước. Lại hạ chiếu bảo hai ngài Hằng và Tiêu rằng: Các Khanh có tiết tháo sáng suốt thật là đáng quý đáng khen. Chỉ vì vua đang trị vì bốn bể rất cần gấp kẻ hiền tài. Nay sắc lệnh cho quan Thượng lệnh là Hiến bắt các Khanh phải tuân lệnh vua dẹp bỏ Pháp phục ra đời giúp nước. Nếu tâm các Khanh còn Đạo vị thì hiềm gì trắng đen. Rất mong các Khanh thể theo ý Trẫm không nên thủ tiết mà chối từ...”.

Hai ngài Đạo Hằng và Đạo Tiêu đáp thư: Phụng chiếu lệnh ngày mười tám tháng hai khiến Hằng - Tiêu chúng tôi phải dẹp bỏ pháp phục, đau lòng vâng lệnh năm tình thất tiết. Bọn chúng tôi tài hèn trí mọn, nhiệm pháp chưa sâu. Từ ngày mặc áo nâu sòng nguyện quên thân mạng, cùng chuyên tu tập Phật pháp không màng thế sự, đã phế

bỏ sự nghiệp phi thường trọn không có công lao gì khác. Thuở xưa ngài Quang Võ còn có thể buông thả cái tâm của Nghiêm Lăng, Ngụy Văn Đế dám dung thứ cái tiết tháo của Quán Ninh. Phải chăng đó là lòng cao quý của bậc chí tôn muốn thỏa mãn chí thấp hèn của kẻ thất phu. Huống nay bệ hạ đã dùng đạo mà trị người, lại gồm cả hoàng truyền Tam bảo. Vậy cúi mong ngài noi theo tình to lớn, rũ cái lý cảm thông muôn vật.

Diêu Hưng lại gửi thư cho ngài La-thập nói về hai vị Pháp sư rằng: Riêng đã mấy tuần mỗi lần đều nghĩ tới, dần dần so sánh kẻ rằng như khi các đám giặc cỏ nổi lên ở chốn xa xôi mà không kịp thời xử lý thì chính là lúc rối rắm không yên. Trong khoảng thời gian muôn sự thịnh vượng thì cần phải có người tài giỏi để sửa trị. Theo chiếu chỉ gần đây thì khiến Đạo Hằng và Đạo Tiêu bỏ pháp phục La-hán đi theo dấu chân bậc đại sĩ. vì đạo ở đâu lại chẳng có. Vậy kính mong Pháp Sư giúp lời dẫn dụ hai vị ấy...”. Ngài La-thập hội ý đáp lời rằng: Mãng nghe Thái thượng hoàng dùng đạo nuôi dân mà mọi vật tự an. Nay vua lại dùng đức mà trị vì thiên hạ, đó là bậc minh chủ thời xưa. Xét kỹ thì làm trái bản tánh khó chế ngự, hiểu rõ cách cai trị có nhiều nguyên nhân. Cho nên vua Nghiêu tha Hứa Do ở đồi Ky Sơn, còn Dữ Nhượng thì quăng gậy ở nước Ngụy. Cao Tổ đã bốn lần tha họa ở Chung nam, còn Thúc Độ thì giả từ Bồ Luân ở Hán Nhạ. Bởi có tánh thích Hiền thì sẽ được Hiền. Nay hai vị Đạo Hằng và Đạo Tiêu phước đức chưa toàn vẹn cốt ý thủ tiết, từ bé đã học huyền hóa, kính phục Phật đạo. Đến như việc phô bày phân tích các kinh hay nghiên cứu các chỗ sâu kín chỉ đủ để khai ngộ bọn con trẻ, giúp khai hóa công đức. Cúi mong bệ hạ nên bỏ qua ân đã khen tặng trước để tha cho cái chí hèn kém của họ”.

Về sau Hưng càng mấy lần xuống chiếu thúc hối, gạt bỏ mọi can ngăn để hai người được khỏi làm quan. Ngài Đạo Hằng than rằng: Cổ nhân có nói: của cải giúp ích ta nhưng làm tổn hại tinh thần ta. Danh tiếng nuôi sống ta nhưng nó cũng giết chết thân ta. Do đó ngài ẩn mình ngày hēm núi sâu và trọn đời ở nơi rừng vắng, chỉ ăn rau cỏ mà thường thức vị Thiên và trốn biệt dấu người. Cho nên ngài soạn ra Bộ Thích Bác Luận và Bách Hạnh Chân.